

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 20/8/2023**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
1	Ngô Thị Cúc Anh	Nữ	24/02/2001	Nghệ An	Kinh	5.7	8.0	1702/QĐ388/2023	TH006176	
2	Hoàng Thị Quỳnh Anh	Nữ	07/9/2001	Nghệ An	Kinh	7.0	8.0	1703/QĐ388/2023	TH006177	
3	Đỗ Tú Anh	Nữ	10/8/2001	Nghệ An	Kinh	7.3	7.5	1704/QĐ388/2023	TH006178	
4	Thái Thị Kim Anh	Nữ	08/11/2001	Nghệ An	Kinh	6.3	9.0	1705/QĐ388/2023	TH006179	
5	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	27/01/1998	Nghệ An	Kinh	6.7	8.5	1706/QĐ388/2023	TH006180	
6	Nguyễn Ngọc Dịu	Nữ	29/9/2001	Nghệ An	Kinh	7.0	7.0	1707/QĐ388/2023	TH006181	
7	Trần Ngọc Hà	Nữ	10/10/1994	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	1708/QĐ388/2023	TH006182	
8	Đỗ Thị Ngân Hà	Nữ	29/11/1998	Nghệ An	Kinh	6.7	7.5	1709/QĐ388/2023	TH006183	
9	Trần Thị Thu Hiền	Nữ	17/8/1981	Tuyên Quang	Kinh	6.3	7.5	1710/QĐ388/2023	TH006184	
10	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	18/3/1988	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	5.5	1711/QĐ388/2023	TH006185	
11	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	26/3/1995	Quảng Bình	Kinh	6.3	8.0	1712/QĐ388/2023	TH006186	
12	Đào Thị Minh Huyền	Nữ	03/9/1999	Nghệ An	Kinh	6.7	8.5	1713/QĐ388/2023	TH006187	
13	Nguyễn Quỳnh Lương	Nữ	28/6/2001	Nghệ An	Kinh	6.7	7.5	1714/QĐ388/2023	TH006188	
14	Bùi Thị Lương	Nữ	11/9/1988	Hà Nội	Kinh	6.3	5.5	1715/QĐ388/2023	TH006189	
15	Nguyễn Thị Ly	Nữ	10/8/1998	Nghệ An	Kinh	6.7	9.0	1716/QĐ388/2023	TH006190	
16	Nguyễn Phương Ly	Nữ	18/11/2001	Nghệ An	Kinh	7.0	9.5	1717/QĐ388/2023	TH006191	
17	Trần Dương Phương Nga	Nữ	27/4/2001	Nghệ An	Kinh	6.3	8.0	1718/QĐ388/2023	TH006192	
18	Hoàng Thị Hồng Nụ	Nữ	05/9/1999	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	1719/QĐ388/2023	TH006193	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
19	Vương Thị Quỳnh	Nữ	09/11/2000	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	1720/QĐ388/2023	TH006194	
20	Nguyễn Đình Sơn	Nam	05/4/2001	Hà Tĩnh	Kinh	6.7	8.0	1721/QĐ388/2023	TH006195	
21	Lê Thị Thanh Tân	Nữ	21/10/2001	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	1722/QĐ388/2023	TH006196	
22	Nguyễn Quốc Thắng	Nam	16/3/1997	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	1723/QĐ388/2023	TH006197	
23	Cao Thị Phương Thanh	Nữ	27/3/2000	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	1724/QĐ388/2023	TH006198	
24	Trần Út Thêm	Nữ	21/8/2001	Nghệ An	Thái	7.7	9.0	1725/QĐ388/2023	TH006199	
25	Nguyễn Thị Huyền Thương	Nữ	04/3/2001	Hà Tĩnh	Kinh	6.7	8.0	1726/QĐ388/2023	TH006200	
26	Phan Thị Quỳnh Trang	Nữ	14/3/2001	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	7.0	1727/QĐ388/2023	TH006201	
27	Vương Thị Huyền Trang	Nữ	26/5/1998	Nghệ An	Kinh	6.7	7.5	1728/QĐ388/2023	TH006202	
28	Lê Thảo Trang	Nữ	04/8/1999	Hà Tĩnh	Kinh	6.7	8.5	1729/QĐ388/2023	TH006203	
29	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Nữ	29/01/1983	Hà Nội	Kinh	6.3	9.0	1730/QĐ388/2023	TH006204	
30	Nguyễn Xuân Trường	Nam	20/02/1998	Hà Tĩnh	Kinh	7.7	8.5	1731/QĐ388/2023	TH006205	
31	Võ Thị Tuyên	Nữ	19/5/1985	Hà Tĩnh	Kinh	5.3	5.0	1732/QĐ388/2023	TH006206	
32	Phạm Hồ Vinh	Nam	08/11/2001	Nghệ An	Kinh	6.0	7.0	1733/QĐ388/2023	TH006208	

